

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN SƠN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **47/2025 /HNGĐ-ST**.

Ngày 10/3/2025

“V/v không công nhận vợ chồng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Huệ và bà Lộc Thị Kim Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Kim Dung – Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Lương Nguyễn Thảo P - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự ly hôn thụ lý số: 269/2024/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 10 năm 2024, về việc “*Không công nhận vợ chồng*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/01/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST- HNGĐ, ngày 10/02/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Bàn Thị T**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

- Bị đơn: Anh **Mai Văn Q**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Bàn Thị T trình bày:

Chị và anh Mai Văn Q được tự do tìm hiểu và tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006, được gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn

cả hai chung sống cùng nhau tại thôn Đ, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi, chửi nhau, chị không chịu được phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, thực tế hai bên đã không chung sống cùng nhau từ đầu năm 2024, giữa hai người không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh Mai Văn Q đến nay đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do hai bên không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Mai Văn Q là vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị T xác định, chị và anh Mai Văn Q có 02 con chung là cháu: Mai Văn T1, sinh ngày 28/4/2007 và cháu Mai Văn V, sinh ngày 12/9/2009. Chị đề nghị giao hai con chung cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Q, vì hiện nay chị không có chỗ ở và thu nhập ổn định.

Về tài sản chung: Chị và anh Mai Văn Q không có tài sản chung gì, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh Mai Văn Q không có nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập anh Mai Văn Q đến để giải quyết vụ án nhưng anh Q không có mặt; qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh Q có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Theo cung cấp của đại diện thôn Đ, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang thì việc chị T và anh Q chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 nhưng không đăng ký kết hôn như chị T trình bày là đúng thực tế. Sau khi kết hôn chị T và anh Q chung sống tại thôn Đ, xã K. Quá trình chung sống giữa hai bên có xảy ra mâu thuẫn, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ đầu năm 2024, hai bên không chung sống cùng nhau từ đó cho đến nay, không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế. Hiện anh Q tuy có mặt tại địa phương nhưng hàng ngày đi làm, không thường xuyên ở nhà. Đại diện thôn xác định có nhận được thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án đã thông báo cho anh Q biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án nhưng anh Q không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, gửi văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định; nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của BLTTDS; bị đơn chấp hành chưa đầy

đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của BLTTDS như: Vắng mặt tại các buổi làm việc, vắng mặt tại phiên họp; tại phiên tòa HĐXX, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

- Về hướng giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ Điều 9, 14 và Điều 53 Luật hôn nhân gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bàn Thị T và anh Mai Văn Q.

+ Về con chung: Đề nghị giao hai con chung là cháu Mai Văn T1, sinh ngày 28/4/2007 và cháu Mai Văn V, sinh ngày 12/9/2009 cho anh Mai Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định, hai bên không có tài sản chung, nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Bàn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định; anh Mai Văn Q không phải chịu án phí.

+ Đề nghị tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; tiến hành xác minh tại thôn Đ và UBND xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; lấy ý kiến con chưa thành niên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Chị Bàn Thị T và anh Mai Văn Q chung sống với nhau từ năm 2006 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, quá trình chung sống đã có con chung, chị T đề nghị Tòa án tuyên bố chị và anh Q không phải là vợ chồng nên xác định đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình về xác định quan hệ hôn nhân của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Mai Văn Q có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xác minh tại địa phương cho thấy, anh Mai Văn Q có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Anh Mai Văn Q tuy có mặt tại địa phương nhưng đi làm không thường xuyên ở nhà. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Q đến làm việc, chính quyền địa phương đã thông báo cho anh Q biết việc Tòa án đang thụ lý, giải quyết vụ án nhưng anh Q không đến Tòa án giải quyết, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

[2.1] Về hôn nhân:

Căn cứ lời khai của đương sự; kết quả xác minh tại UBND xã K, huyện Y có cơ sở xác định: Chị Bàn Thị T và anh Mai Văn Q chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống, giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, hai bên đã sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay, không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế. Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn tình cảm giữa chị T và anh Q đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị T xác định không thể chung sống với anh Q được nữa.

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; HĐXX xét thấy: Việc chị Bàn Thị T và anh Mai Văn Q chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bàn Thị T, tuyên bố không công nhận chị Bàn Thị T và anh Mai Văn Q là vợ chồng.

[2.2] *Về con chung*: Quá trình giải quyết vụ án chị T xác định, chị và anh Mai Văn Q có con 02 chung là cháu Mai Văn T1, sinh ngày 28/4/2007 và cháu Mai Văn V, sinh ngày 12/9/2009, hiện nay cả hai cháu đang ở cùng anh Q, chị T đề nghị giao cả hai con chung cho anh Mai Văn Q được trực tiếp nuôi dưỡng, hiện nay chị không có chỗ ở và thu nhập ổn định nên không đủ khả năng nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

HĐXX xét thấy, quá trình xác minh tại địa phương thể hiện: Hiện nay anh Q có chỗ ở, có thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi con chung; quá trình lấy lời khai của các con từ đủ 07 tuổi trở lên cháu Mai Văn T1 và Mai Văn V đều có nguyện vọng được ở với anh Q, tính thời điểm xét xử cháu Mai Văn T1 đã gần đủ 18 tuổi (17 tuổi 10 tháng 12 ngày); anh Q thường xuyên ở nhà chăm sóc các con, trong quá trình vợ chồng sống ly thân các con ở cùng anh Q vẫn được tạo điều kiện phát triển bình thường về mọi mặt, được đi học đúng độ tuổi; các cháu ở cùng anh Q cũng đã quen với môi trường sống sinh hoạt và học tập. Còn đối với chị Bàn Thị T hiện nay không có chỗ ở, không có việc làm và thu nhập cố định nên không đảm bảo các điều kiện để nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị T đề nghị giao cả 02 con chung cho anh Mai Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng.

HĐXX xét thấy, để đảm bảo điều kiện về mọi mặt cũng như sự phát triển toàn

diện của các con và ưu tiên bảo đảm lợi ích của các con, cần áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao 02 con chung là cháu Mai Văn T1 và Mai Văn V cho anh Mai Văn Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với điều kiện thực tế, không làm xáo trộn môi trường học tập, sinh hoạt của các cháu; phù hợp với ý kiến của các đương sự cũng như ý kiến của các con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Quá trình giải quyết vụ án chị Bàn Thị T xác định hiện nay chị không có việc làm và thu nhập ổn định nên không đủ điều kiện cấp dưỡng nuôi con; quá trình giải quyết vụ án anh Q không đến Tòa án giải quyết, không có ý kiến về việc yêu cầu chị T cấp dưỡng nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị T, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Q. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định, chị và anh Mai Văn Q không có tài sản chung, nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Bàn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; anh Mai Văn Q không phải chịu án phí; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Không công nhận chị Bàn Thị T và anh Mai Văn Q là vợ chồng.
2. Về con chung: Giao con chung là cháu Mai Văn T1, sinh ngày 28/4/2007 và cháu Mai Văn V, sinh ngày 12/9/2009 cho anh Mai Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Chị Bàn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Các đương sự được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí:

- Chị Bàn Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002186 ngày 25/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang; chị Bàn Thị T đã nộp đủ tiền án phí.

- Anh Mai Văn Q không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- UBND xã Kiến Thiết;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Mạnh Hồng

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Huệ

Lộc Thị Kim Thơm

Vũ Mạnh Hồng

